TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BA** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **44**/2024/HNGĐ- ST
Ngày 18 tháng 12 năm 2024
"*V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vi Thị Năm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu

Ông Kiều Công Ích

- Thư ký phiên tòa: Bà Kiều Huyền Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2024/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc *"Tranh chấp Hôn nhân và gia đình",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2024, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 02/2024/TB-TA ngày 19 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 60/2024/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Tạ Thị Thu H**, sinh năm 1989.

Nơi ĐKTT: Khu G, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: Khu E, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh **Trần Văn L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu G, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Tạ Thị Thu H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn L có đăng ký kết hôn vào ngày 12/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ chồng tại khu G, xã C. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn, khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh L hay đi rượu chè, ham chơi bạn bè, thường xuyên đi chơi đêm về chửi mắng chị và các con, không lo lắng cho gia đình vợ con dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Chị đã rất nhiều lần cho anh L cơ hội sửa đổi, để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh L không thay đổi. Do đó, chị và anh L đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn L có 02 con chung, tên là: Trần Bảo C, sinh ngày 29/8/2010 và Trần Gia H1, sinh ngày 17/6/2013. Hiện nay, cả hai cháu đang ở với chị tại khu E, xã C. Khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung, do anh L đi làm xa không hay ở nhà để chăm lo cho các con được và hai cháu đã sống với nhau từ nhỏ không thể tách các cháu được, vì sẽ ảnh hưởng đến tâm lý và việc học của các cháu. Chị không đề nghị anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Trần Văn L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh L không lần nào đến Tòa án để làm việc, nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh L và cũng không tiến hành hòa giải được.

* Kết quả xác minh tại địa phương nơi anh Trần Văn L sinh sống như sau:

- Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2024, Công an xã C: Theo kết quả tra cứu trên Hệ thống dữ liệu Quốc gia về dân cư, anh Trần Văn L, sinh năm 1987, số CCCD: 025087003681, có vợ là chị Tạ Thị Thu H, sinh năm 1989, hiện có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu G, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ và không đăng ký tạm trú tại nơi nào khác.

- Tại biên bản xác minh ngày 28/10/2024, đại diện chính quyền địa phương xã C: Anh Trần Văn L, sinh năm 1987 và chị Tạ Thị Thu H, sinh năm 1989 cùng đăng ký thường trú tại khu G, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ, có đăng ký kết hôn ngày 12/10/2009 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống,

vợ chồng anh L, chị H có phát sinh mâu thuẫn gì chính quyền địa phương không nắm được do vợ chồng anh L, chị H chưa đề nghị hòa giải tại địa phương. Nay, chị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Anh L và chị H có 02 con chung là cháu Trần Bảo C, sinh năm 2010 và cháu Trần Gia H1, sinh năm 2013. Về vấn đề nuôi dưỡng con chung khi ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của công dân.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/10/2024, ông Trần Văn K (bố đẻ của anh Trần Văn L) trình bày: Anh Trần Văn L và chị Tạ Thị Thu H có đăng ký kết hôn năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị H về ở cùng với vợ chồng ông một thời gian đến khoảng năm 2021, về ở nhà bố mẹ vợ là bà H2 ở khu E, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Kể từ đó vợ chồng đi lại hai bên nội ngoại. Quá trình chung sống, ông không thấy vợ chồng anh L, chị H có mâu thuẫn gì nên nguyên nhân để chị H làm đơn ly hôn đến Tòa ông không nắm được. Về yêu cầu ly hôn của chị H, nguyện vọng của gia đình là muốn vợ chồng anh L, chị H về đoàn tụ, nếu chị H cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của anh L, chị H: Có 02 con chung là cháu Trần Bảo C, sinh năm 2010 và cháu Trần Gia H1, sinh năm 2013. Hiện cả 02 cháu đang ở cùng với chị H ở nhà bà ngoại tại khu E, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quan điểm của chị H về nuôi dưỡng con chung, quan điểm của gia đình là nếu chị H xin trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình của anh L, chị H: Không có.

* Tại bản tự khai của con chung ngày 11/11/2024, cháu Trần Bảo C và cháu Trần Gia H1 trình bày: Cháu là con của mẹ Tạ Thị Thu H và bố Trần Văn L. Bố mẹ cháu đã không ở với nhau từ tháng 6 năm 2024 đến nay. Quá trình bố mẹ cháu chung sống cùng nhau, cháu thấy bố mẹ cháu có nhiều mâu thuẫn, do bố cháu hay đi uống rượu say về chửi mắng mẹ cháu và hai chị em. Hiện cháu đang ở với mẹ tại khu E, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nếu bố mẹ cháu ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết cho cháu được tiếp tục ở với mẹ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị Thu H và anh Trần Văn L được ly hôn.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 29/8/2010 và Trần Gia H1, sinh ngày 17/6/2013 cho chị Tạ Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Tạ Thị Thu H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và quan điểm ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị Tạ Thị Thu H có đơn xin ly hôn anh Trần Văn L. Bị đơn là anh L cư trú tại xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Nguyên đơn là chị Tạ Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là phù hợp.

[1.3]. Bị đơn là anh Trần Văn L mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không lần nào có mặt để làm việc; anh L vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên tòa xét xử vắng mặt anh L là phù hợp.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Tạ Thị Thu H và anh Trần Văn L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật và

được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn ngày 12/10/2009, do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh L được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy chị H và anh L sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị H và hai con chung trình bày do anh L hay đi rượu chè, thường xuyên đi chơi đêm về chửi mắng chị H và các con, không lo lắng cho gia đình dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Chị H và anh L đang sống ly thân. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Tạ Thị Thu H và anh Trần Văn L có 02 con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 29/8/2010 và Trần Gia H1, sinh ngày 17/6/2013. Hiện tại, cả hai con chung đang ở với chị H tại khu E, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Khi ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung. Xét thấy chị H có chỗ ở ổn định tại xã C, huyện T, trong khi anh L thường đi làm ăn xa không thường xuyên có mặt tại địa phương; cả hai con chung đã ở với nhau từ nhỏ và hiện đang ở ổn định với chị H. Đồng thời, xét nguyện vọng của các con chung trên 07 tuổi là cháu Trần Bảo C và Trần Gia H1 đều thể hiện muốn được ở với mẹ là chị Tạ Thị Thu H và tiếp tục ở cùng nhau. Do đó, để đảm bảo sự ổn định về môi trường sinh hoạt, học tập, về tâm sinh lý của các con chung, đảm bảo về điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 29/8/2010 và Trần Gia H1, sinh ngày 17/6/2013.

Chị H tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con, nên không cần buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Chị Tạ Thị Thu H không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn là chị Tạ Thị Thu H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Nhận định trên cũng phù hợp với quan điểm đề nghị mà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Ba phát biểu tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tạ Thị Thu H được ly hôn anh Trần Văn L.

2. Về con chung: Giao cho chị Tạ Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Trần Bảo C, sinh ngày 29/8/2010 và Trần Gia H1, sinh ngày 17/6/2013. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị H tự nguyện không yêu cầu.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung;

Anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, đất nông nghiệp: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tạ Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001981 ngày 01 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Ba
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Thanh Ba;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Vi Thị Năm